

Số: /GPMT-UBND TP. Kon Tum, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Gỗ Phúc Nhân về việc cấp Giấy phép môi trường của dự án: Xưởng sản xuất, chế biến lâm sản và kho chứa hàng tại Văn bản số 37/CV-GPN ngày 12 tháng 12 năm 2023; Văn bản số 42/CV-GPN ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc chỉnh sửa các nội dung sau thẩm định cấp giấy phép môi trường dự án Xưởng sản xuất, chế biến lâm sản và kho chứa hàng và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 204/TTr-TNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường Dự án: “Xưởng sản xuất, chế biến lâm sản và kho chứa hàng” của Công ty TNHH Gỗ Phúc Nhân.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Gỗ Phúc Nhân (địa chỉ trụ sở chính: Lô C2-2, KCN Hòa Bình, phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Xưởng sản xuất, chế biến lâm sản và kho chứa hàng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung:

1.1. Tên dự án đầu tư: Xưởng sản xuất, chế biến lâm sản và kho chứa hàng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô P/S (nay là Lô C8), Khu Công nghiệp Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.3. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án:

- Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư: Cấp lần đầu: Ngày 18 tháng 6 năm 2019; Điều chỉnh lần thứ nhất: Ngày 02 tháng 8 năm 2023 số 95/QĐ-BQLKKT ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty TNHH Hai thành viên

trở lên. Đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 11 năm 2015; Đăng ký thay đổi lần 05 ngày 27 tháng 5 năm 2022.

1.5. Mã số thuế: 6101197716.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, chế biến lâm sản và kho chứa hàng.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 8.000m².

- Công suất thiết kế dự án: 4.000 m³ thành phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

(Có các Phụ lục 1,2,3,4 kèm theo)

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Gỗ Phúc Nhân.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Gỗ Phúc Nhân có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm tính từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT;
- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- Phòng TN&MT TP;
- UBND Phường Nguyễn Trãi;
- Công ty TNHH Gỗ Phúc Nhân;
- Công Thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Anh Hùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GP-UBND ngày..... tháng.....năm của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nước thải sinh hoạt:

- **Nguồn phát sinh nước thải:** Từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cán bộ nhân viên và công nhân nhà máy.

- **Lưu lượng xả nước thải tối đa:** 02 m³/ngày đêm.

- **Dòng nước thải:** 02 dòng (từ 02 nhà vệ sinh).

- **Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:** Tổng Nitơ, Tổng Photpho; BOD₅; dầu mỡ động, thực vật; Coliform; Tổng chất rắn lơ lửng.

Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm áp dụng theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể:

TT	Thông số	QCVN 14: 2008/BTNMT	
		Đơn vị	Giá trị
1	BOD ₅	mg/l	50
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
3	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/l	50
4	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
5	Phosphat (PO ₄ ₃₋) (tính theo P)	mg/l	10
6	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000

*** Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:**

+ Vị trí có tọa độ địa lý: KCN Hòa Bình, phường Nguyễn Trãi, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Tọa độ: X=14.326.7438; Y=107.978.332.

+ Phương thức xả thải: Tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Đàu nối vào nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Hòa Bình sau khi đã xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn.

2. Nước thải sản xuất:

- **Nguồn phát sinh nước thải:**

+ Nguồn 1: Nước sử dụng để vệ sinh thiết bị, máy móc;

+ Nguồn 2: Nước thải từ vận hành lò hơi..

- **Lưu lượng xả nước thải tối đa:** 03 m³/ngày đêm.

- Dòng nước thải:

+ Dòng 1: Tại khu vực hồ lắng.

+ Dòng 2: Tại khu vực lò hơi.

- Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép: Màu; pH; BOD₅ (20^o C); COD; Chất rắn lơ lửng; Amoni (*tính theo N*); Tổng phốt pho (*tính theo P*).

- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải theo QCVN 40:2011/BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C
			Cột A
1	Màu	Pt/Co	50
2	pH	-	6 đến 9
3	BOD ₅ (20 ^o C)	mg/l	30
4	COD	mg/l	75
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50
6	Amoni (<i>tính theo N</i>)	mg/l	05
7	Tổng phốt pho (<i>tính theo P</i>)	mg/l	04

(Nguồn: QCVN 40:2011/BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ TN&MT)

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí: Tại khu vực hồ lắng của hệ thống thoát nước thuộc Lô P/S (*nay là Lô C8*), KCN Hòa Bình thuộc Phường Nguyễn Trãi, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Tọa độ: X= 14.326.0713; Y= 107.978.4217.

+ Phương thức xả thải: Tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Đầu nối vào nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Hòa Bình sau khi đã xử lý sơ bộ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Được thu gom bằng đường ống nhựa PVC từ khu nhà vệ sinh về bể tự hoại đặt ngầm trong khu vực nhà máy. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn sẽ được dẫn qua hố thu lắng và theo đường ống PVC đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

- Đối với nước thải sản xuất:

+ Nước mưa tại khu vực bãi chứa gỗ và sân đường nội bộ: Được thu gom

bằng hệ thống mương được xây bằng gạch. Sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận

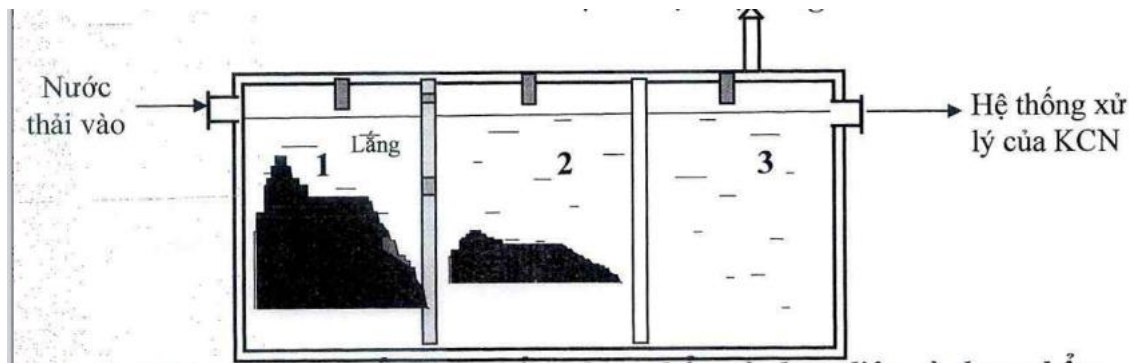
+ Nước từ quá trình vệ sinh, làm sạch thiết bị, nhà xưởng: Nước thải từ quá trình vệ sinh, làm sạch thiết bị, nhà xưởng được thu gom bằng đường ống PVC qua các hố thu lắng và theo đường ống PVC đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Hòa Bình để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

Sau xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 03 ngăn sẽ được dẫn bằng đường ống uPVC D220 đầu nối với hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN.

Hình 1. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.



Ghi chú:

- (1) Ngăn lắng và xử lý yếm khí.
- (2) Ngăn lắng ngang.
- (3) Ngăn xử lý hiếu khí.

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:

- Bể tự hoại là công trình xử lý nước thải bậc I đồng thời thực hiện hai chức năng: Lắng cặn và lọc trước khi qua công trình tiếp theo. Hiệu quả lắng cặn trong bể tự hoại có thể đạt được từ 40% đến 60% phụ thuộc vào nhiệt độ và chế độ quản lý, vận hành bể.

- Cặn rắn được giữ lại trong bể từ 03 đến 06 tháng, trong thời gian này, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Phần nước thải sẽ được dẫn qua bể lọc, còn lượng bùn dư sau thời gian lưu khoảng 02 đến 05 năm sẽ thuê xe hút chuyên dùng hút đi. Mỗi lần lấy cặn phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện cho quá trình phân huỷ cặn. Nước thải khi đến bể lọc, sẽ được tiến hành lọc qua lớp: than củi dày 0,2m, than xỉ dày 0,2m và gạch vỡ dày 0,2m. Sau đó sẽ tiếp tục được dẫn vào hệ thống thu hồi nước thải để đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

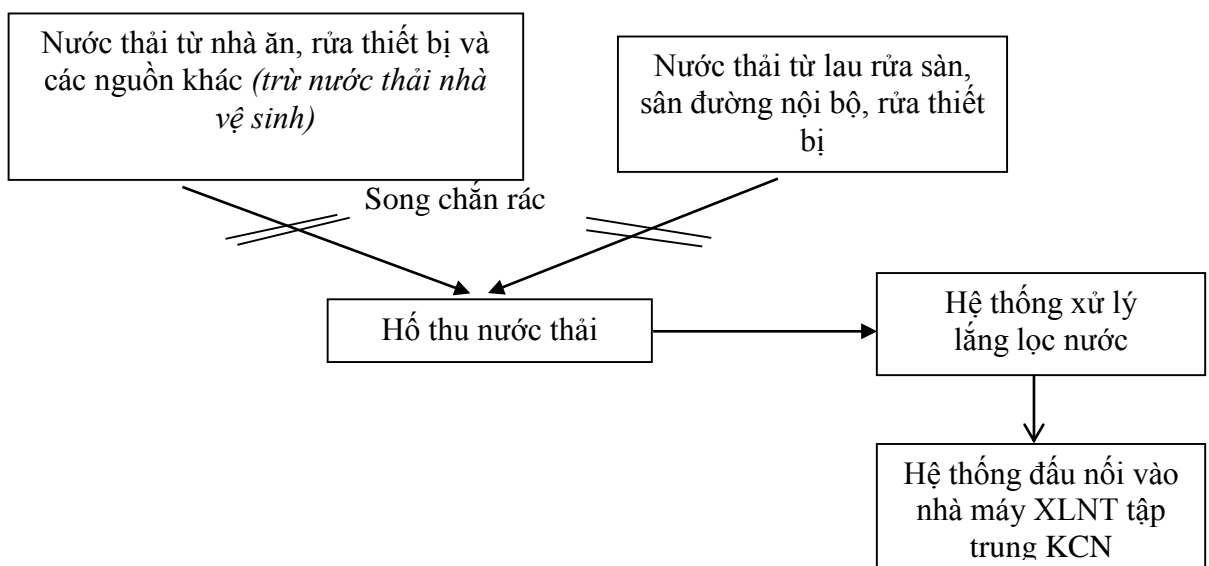
- Để dẫn nước thải vào và ra khỏi bể, người ta nối ống Ø140 với một đầu ống đặt dưới lớp màng nổi, đầu khác được nhô lên phía trên để tiện kiểm tra, tẩy rửa và không cho lớp cặn nổi trong bể chảy ra đường ống.

- Bể tự hoại đang được sử dụng với nhiều ưu điểm như: Hiệu suất xử lý ổn định kể cả khi dòng nước thải đầu vào có dao động lớn; chiếm ít diện tích, giá thành rẻ và việc xây dựng, quản lý đơn giản. Hiệu suất lắng của bể đối với các chất lơ lửng: BOD 65 -75%, SS 75 – 85% và COD của nước thải giảm từ 35 - 65% và các mầm bệnh có trong phân cũng được loại bỏ một phần.

1.2.2. Nước thải khác:

* Nước thải lavabô khu WC; rửa sàn được thu gom vào đường ống thoát nước riêng và xả ra rãnh thoát nước xung quanh nhà và đưa vào hố lắng trước khi thải ra môi trường.

Hình 2. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khác và nước thải sản xuất



* Thuyết minh hệ thống thu gom nước thải

Nguồn nước thải:

Nước thải từ quá trình lau rửa sàn, sân đường nội bộ, rửa thiết bị và từ sinh hoạt ăn uống tại nhà ăn được dẫn về hệ thống thu gom nước thải và dẫn về hố thu nước thải.

Nước mưa tại khu vực bãi chứa gỗ và sân đường nội bộ: Phát sinh trong quá trình hoạt động chủ đầu tư để các nguyên liệu đầu vào hay các sản phẩm gỗ vụn ngoài trời hoặc các khu vực không có mái che hoặc che dầy không kín gặp trời mưa xuống làm rửa tan các thành phần trong gỗ hòa lẫn vào nước làm phát sinh độ độc cao và hàm lượng hữu cơ lớn. Khối lượng này phát sinh không thường xuyên, chủ yếu vào mùa mưa và phát sinh tại những khu vực không che dầy kỹ, khối lượng ước tính khoảng 05 m³/ngày đêm. Được thu gom bằng hệ thống mương được xây bằng gạch. Sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Song chắn rác:

Nước thải từ sinh hoạt và sản xuất có chứa nhiều thành phần cặn, đặc biệt là các thành phần cặn kích thước lớn. Các cặn nước thải nếu được dẫn thẳng không qua chắn rác thì sẽ phân hủy làm tăng COD và BOD trong nước thải chính vì vậy cần được tách bằng song chắn rác tinh trước khi xử lý.

Hồ thu nước thải: Được xây và gia cố cẩn thận để tránh ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Sao Mai.

- Nước thải sau xử lý phải đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hoặc yêu cầu về bảo vệ môi trường theo từng loại nước thải trước khi xả ra môi trường.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GP-UBND ngày..... tháng.....năm của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**a. Nguồn phát sinh khí thải:**

01 nguồn: Khí thải phát sinh sau hệ thống xử lý, khí thải lò hơi

b. Lưu lượng xả khí thải tối đa

Lưu lượng xả khí thải tối đa là 12.000 m³/h.

c. Dòng khí thải

01 dòng khí thải từ hệ thống khí thải lò hơi.

d. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải sau trạm xử lý, xả ra môi trường đạt chỉ tiêu của QCVN 19:2009/BTNMT, cột B- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất vô cơ với hệ số Kp = 1, Kv = 01. Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN19:2009/BTNMT Cột B; Kp=1, Kv=1
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
2	CO	mg/Nm ³	1000
3	NOx (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850
4	SO ₂	mg/Nm ³	500

e. Vị trí, phương thức xả khí thải:

- Vị trí: Tại khu vực trong nhà xưởng của nhà máy thuộc Lô P/S (nay là Lô C8), KCN Hòa Bình thuộc Phường Nguyễn Trãi, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Tọa độ: X= 14.326.0713; Y= 107.978.4217.

- Phương thức xả thải: Xả thải qua hệ thống ống khói.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ buồng đốt sau đó thoát ra qua hệ thống ống khói sau khi qua các công đoạn xử lý.

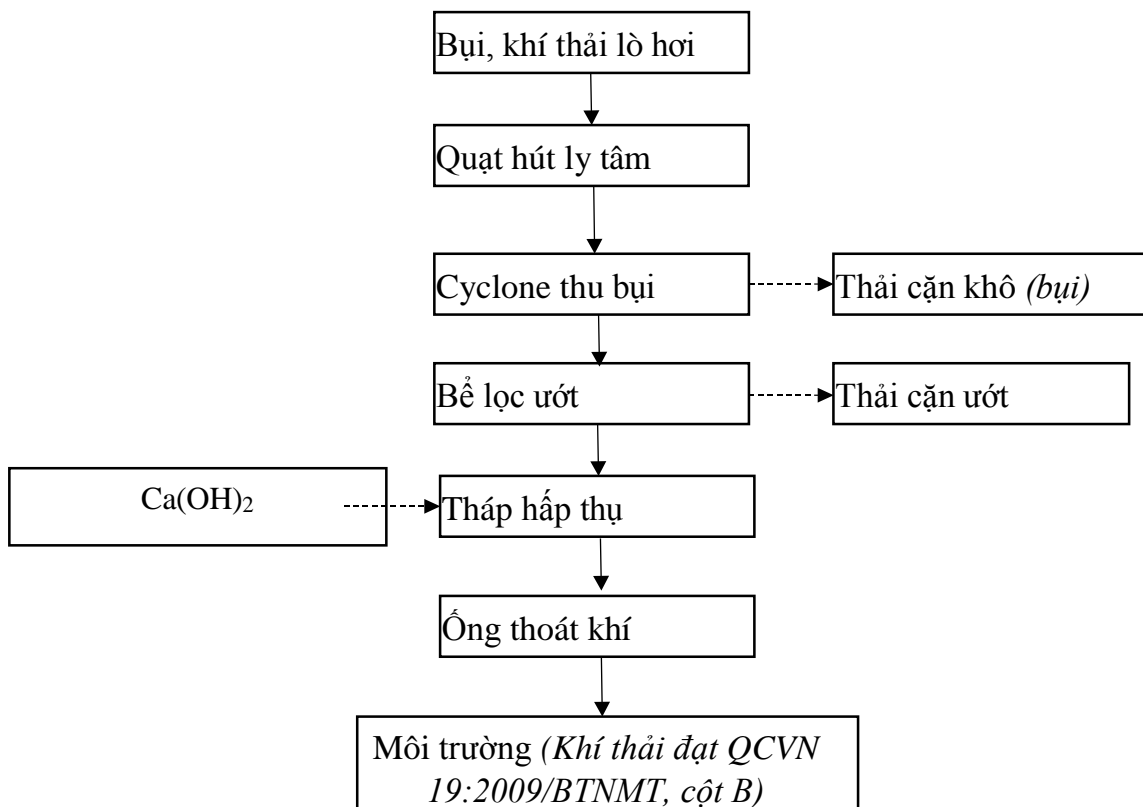
1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ dự án chủ yếu là khí thải từ quá trình vận hành lò hơi bằng phương pháp đốt củi cấp nhiệt để vận hành lò hơi. Do vậy lượng khí thải sẽ thải qua ống khói lò hơi.

Công suất lò hơi tại Nhà máy là 05 tấn hơi/giờ. Nhiên liệu sử dụng cho quá trình đốt lò là gỗ vụn, củi khô (*không sử dụng nhiên liệu than, gỗ, củi có thành phần nguy hại*).

Thuyết minh công nghệ xử lý bụi, khí thải:

Nguyên vật liệu sử dụng cho hệ thống lò hơi là: gỗ vụn, củi khô (*không sử dụng than, củi, gỗ có thành phần nguy hại*)



Hình3. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi

Khí thải từ lò hơi phát ra có chứa hàm lượng bụi khá lớn, một số chất hữu cơ chưa cháy hết và các khí thải độc hại như CO₂, NO₂. Toàn bộ lượng bụi, khí thải phát sinh sẽ được thu gom và quạt hút đẩy về hệ thống xử lý khí thải.

Bụi, khí thải lò hơi sau khi ra khỏi miệng thoát khói ở đuôi lò được quạt hút ly tâm công suất 30 KW đẩy tới cyclone thu bụi. Tại cyclone, dòng khí chuyển động xoắn ốc theo phương hình tròn, vận tốc dòng khí ngày càng tăng, gây ra bởi lực ly tâm, các hạt bụi trong khí có kích thước lớn được đẩy xuyên tâm hướng tới thành cyclone. Điều này xảy ra với những hạt bụi có kích thước lớn do lực ly tâm bởi chuyển động xoắn ốc. Khi các hạt bụi va chạm với thành cyclone thì nó sẽ chậm lại và rơi xuống do lực ma sát.

Các hạt đó sẽ được tách ra khỏi dòng khí chính và bị đẩy xuống phần hình nón bởi các thành phần đi xuống của vận tốc khí. Lực ly tâm tác động đến khối

lượng của hạt, do đó hạt nặng hơn được thu thập dễ dàng hơn. Bụi rời khỏi cyclone tại đầu ra của bụi khi dòng khí đi đến phần dưới cùng của hình nón, dòng khí đổi hướng quay ngược trở lại và chuyển động lên trên và hình thành “dòng xoắn trong”. Dòng khí quay quanh ống trụ tâm cyclone và thoát ra ngoài tại cửa ra.

Khí thải sau đó được đẩy sang bể lọc ướt. Dòng khí thải di chuyển trong bể theo hình zíc zắc, vì vậy các hạt bụi nhỏ hơn trong khói thải khi đi qua bể lọc ướt sẽ bị giữ lại và lắng xuống dưới, hiệu suất lọc đạt 98%. Lượng bụi lắng sẽ được nạo vét thải bỏ định kỳ, chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý.

Khí thải sau khi qua bể lọc ướt sẽ được đưa qua hệ thống tháp hấp thụ. Tại đây dòng khí được đưa vào tháp từ dưới lên và dòng dung dịch hấp thụ là $\text{Ca}(\text{OH})_2$ 1% - 2% sẽ được đi từ trên xuống dưới dạng phun mưa, khi dòng khí và dung dịch hấp thụ gặp nhau sẽ tiến hành quá trình phản ứng hóa học loại bỏ khí thải độc hại.

Khí thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Niêm yết bảng nội quy an toàn vận hành lò hơi và các biện pháp an toàn, biện pháp xử lý sự cố lò hơi tại nhà máy. Bảng nội quy an toàn đặt tại khu vực nhà bao che lò hơi;

- Bố trí công nhân được đào tạo chuyên môn theo dõi thông số hoạt động của nồi hơi cũng như các thiết bị xử lý môi trường xử lý khí thải lò hơi;

- Khi một trong các công đoạn xử lý khí thải gặp sự cố, Công ty phải dừng toàn bộ hoạt động của quy trình sản xuất để tiến hành kiểm tra và sửa chữa;

- Lắp các biển báo nguy hiểm và cấm lửa tại một số khu vực: Lò sấy, kho CTNH, khu vực chứa thùng đựng hóa chất;

- Trang bị các bình chữa cháy mini trong toàn nhà máy: Nhà đặt lò hơi, khu vực văn phòng, khu vực xưởng, ...;

- Thực hiện đúng các quy định về sử dụng, bảo quản, quản lý cũng như thải bỏ hóa chất theo quy định của Luật Hóa chất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục

A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thường xuyên kiểm tra định kỳ máy móc thiết bị để sửa chữa và thay mới các chi tiết bị hư hỏng.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GP-UBND ngày..... tháng.....năm
của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

a. Nguồn phát sinh.

- Nguồn số 01: Tiếng ồn tại khu vực nhập liệu.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn tại khu vực cưa, cắt, xẻ gỗ.

b. Vị trí phát sinh tiếng ồn.

Tại khu vực xưởng sản xuất thuộc Lô P/S (Nay là Lô C8), KCN Hòa Bình thuộc Phường Nguyễn Trãi, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

c. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn.

Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	55	45	Khu vực đặc biệt
2	70	55	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Lắp đặt, vận hành máy móc đúng quy trình quy phạm, thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng máy móc thiết bị theo định kỳ để tránh hỏng hóc gây ra tiếng ồn bất thường nhằm giảm độ ồn.

- Trồng cây xung quanh nhà máy để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng ra khu vực xung quanh nhà máy và cải thiện được điều kiện khí hậu trong khu vực.

- Không hoạt động quá công suất thiết kế, lắp đặt máy móc thiết bị theo đúng thiết kế, kỹ thuật.

- Không hoạt động từ 22 giờ đêm đến 6 giờ sáng ngày hôm sau. Có kế hoạch làm việc cụ thể, bố trí các xe, thiết bị hoạt động luân phiên để tránh hiện tượng cộng hưởng tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GP-UBND ngày..... tháng.....năm của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

- Khối lượng: 95kg/năm.

- Chủng loại như sau: Bóng đèn huỳnh quang thải; Bao bì thải bằng kim loại: thùng chứa nhớt dầu, keo thải, thùng đựng hóa chất thải; Bao bì thải bằng vật liệu khác như can phuy đựng sơn, dung môi thải; các loại vật dụng nhiễm dầu thải như: giẻ lau, bao tay...; Ấc quy chì thải; Thùng đựng hóa chất tầm cỡ.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng: 24.750 kg/ngày.

- Chủng loại: Chất thải từ vỏ cây, gỗ loại bỏ; Chất thải từ quá trình xử lý khí thải (*cặn từ bể lắng*); Giấy, nhãn và bao bì Carton thải bỏ; Bao bì nhựa thải; Các loại liên quan khác.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: 1.360 kg/ngày.

- Chủng loại: Bao bì, hộp giấy và một số thức ăn thừa và các loại liên quan khác ...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng để lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh, có dán nhãn trên mỗi thùng để phân biệt từng loại chất thải.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa: 19 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: Kiểu kho kín, có mái che, nền gia cố tránh thấm nước và đặt tại nơi có cao trình đảm bảo để tránh bị ảnh hưởng bởi mưa lũ và đảm bảo an toàn cho cán bộ công nhân viên.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa:

+ Chất thải từ vỏ cây, gỗ loại bỏ: Thu gom tập trung tại các kệ palet hoặc các thùng chứa bằng tôn sau đó chuyển giao hoặc làm nguyên liệu đốt;

+ Chất thải từ quá trình xử lý khí thải (*cặn từ bể lắng*): Lưu chứa tại bể xử

lý khí thải;

+ Giấy, nhãn và bao bì carton thải bỏ, bao bì nhựa thải lưu chứa tại khu vực kho chứa rác thải sản xuất tại các thùng chứa bằng tôn hoặc thùng nhựa.

2.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí các thùng có dung tích 120 lít và 240 lít dọc đường nội bộ; tại khu vực văn phòng bố trí các thùng rác dung tích 240 lít, sau đó đưa về khu vực lưu chứa để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.
- Thực hiện các biện pháp an toàn về điện.
- Thực hiện các biện pháp về an toàn lao động.